

Bản án số: 241/2020/HSST
Ngày 28-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 257/2020/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: **T hời**), sinh ngày 13-3-2000 tại tỉnh Ninh Thuận; Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; Nơi ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1953; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 149/2017/HSPT ngày 13 tháng 12 năm 2017, TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07 tháng 6 năm 2018;

- Quyết định số 1212/QĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, Công an Phường T, thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09 tháng 7 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa);

2. Nguyễn Văn Ph (tên gọi khác: **Ph bê**), sinh năm 1980 tại Cần Thơ; Hộ khẩu thường trú: Không có; Nơi ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Buôn bán trái cây; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha, mẹ: Không xác định; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 27/2014/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2014, TAND thành phố Vũng Tàu xử phạt Nguyễn Văn Ph 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09 tháng 7 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Thạch Thị Mỹ D, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Số 259/20 đường P, Phường H, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Tâm là hàng xóm với chị Thạch Thị Mỹ D, cùng trú tại hẻm 259 đường P, Phường H, TP.Vũng Tàu. Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 17/3/2020, T qua nhà chị D ở địa chỉ trên chơi thì nhìn thấy trên kệ ti vi trong nhà chị D có để chùm chìa khóa xe máy nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy nhà chị D. Quan sát không ai để ý, T lấy chùm chìa khóa này giấu vào người rồi đi về nhà. Đến 01 giờ 45 phút ngày 18/3/2020, T cầm chùm chìa khóa rồi quay lại nhà chị D nhưng không thấy xe, T nhìn sang căn nhà sát bên nhà chị D (cùng có địa chỉ như trên) thì thấy xe mô tô hiệu YAMAHA loại SIRIUS biển số 84B1 – 179.40, màu đen của chị D đang để ở trước sân, không có cổng rào. Do không thấy người trông coi, T gắn chìa khóa vào chiếc xe trên rồi chạy đi. Sau khi lấy trộm được xe, T gọi điện cho Nguyễn Văn Ph nói cho Ph biết việc đã lấy trộm được một xe máy, đồng thời T nhờ Ph tìm người tiêu thụ xe trên. Ph đồng ý và hẹn T đem xe đến khu vực chợ Bà Rịa. Sau đó, cả hai đến huyện Long Điền gặp bạn của Ph là V (chưa rõ nhân thân, lai lịch), Ph đưa xe cho V đem đi bán. Sau khi bán được xe, V đưa cho Ph 3.000.000 đồng. Cả ba dùng số tiền này mua ma túy về sử dụng, số tiền còn lại Ph chia cho V 200.000 đồng, Ph và T mỗi người được 800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 109/KL ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Vũng Tàu xác định: một xe mô tô hiệu YAMAHA loại SIRIUS biển số 84B1 – 179.40, màu đen trị giá 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA loại SIRIUS biển số 84B1 – 179.40, màu đen của chị Thạch Thị Mỹ D hiện vẫn chưa thu hồi được.

- Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu thu giữ của Nguyễn Văn Ph một xe máy có số khung và số máy cuối là 3566; gắn biển số 72B1- 035.88. Ph khai nhận đây là xe do Ph trộm cắp của một người đàn ông (không rõ lai lịch) ở khu vực trước đền Thắng Nhì, TP.Vũng Tàu vào đầu tháng 7/2020.

+ Qua xác minh số khung, số máy xác định đây là xe nhãn hiệu BEGIN màu xanh, có biển số 65P8-9913 do Nguyễn Văn Ch - trú tại địa chỉ A; tuy nhiên xác minh tại địa chỉ trên, không xác định được người này. Làm việc với ông Bùi Văn T - sinh năm 1980, HKTT: địa chỉ A - người có số chứng minh nhân dân trùng với chứng minh của ông Ch trên phiếu tra cứu xe, ông T khai nhận không sở hữu chiếc xe máy nào có đặc điểm như trên.

+ Xác minh biển số 72B1-035.88, xác định đây là biển số của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại NOUVO, có số khung, số máy cuối là 2638 do ông Nguyễn Kim L - trú tại 1A/3 đường I, phường K, TP.Vũng Tàu; ông L khai báo trong quá trình sử dụng xe, ông đã làm mất biển số trên. Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe nói trên.

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ chiếc xe máy này để điều tra hành vi “Trộm cắp tài sản” của Nguyễn Văn Ph.

Phản dân sự: Chị Thạch Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 14.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 253/CT-VKS ngày 02/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn Ph về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo Nguyễn Ngọc T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi bị cáo Nguyễn Văn Ph thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án tù 12 đến 18 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị D 13.200.000 đồng, bị cáo Phong phải bồi thường cho chị D 800.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của

Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại địa chỉ 259/20 đường P, Phường H, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một xe máy Yamaha loại Sirius biển số 84B1 – 179.40, màu đen trị giá 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm ngàn đồng) của chị Thạch Thị Mỹ D. Nguyễn Văn Ph biết rõ đây là tài sản do T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ tài sản này giúp Nguyễn Ngọc T.

Vì vậy, hành vi bị cáo Nguyễn Ngọc T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi bị cáo Nguyễn Văn Ph thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là người đã trưởng thành có nhận thức đầy đủ, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù không tu sửa bản thân, làm lại cuộc đời mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại là chị Thạch Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 14.000.000 đồng. Bị cáo Ph tự nguyện bồi thường số tiền 800.000 (do bị cáo Ph được bị cáo T chia cho 800.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp của chị D), bị cáo T đồng ý bồi thường cho chị D 13.200.000 đồng và chị D đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu thu giữ của Nguyễn Văn Ph một xe máy có số khung và số máy cuối là 3566; gắn biển số 72B1- 035.88. Phong khai nhận đây là xe do Ph trộm cắp của một người đàn ông (không rõ lai lịch) ở khu vực trước đền Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu vào đầu tháng 7/2020. Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ chiếc xe máy này để điều tra hành vi “Trộm cắp tài sản” của Nguyễn Văn Ph là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Đối với đối tượng tên V đã đem chiếc xe máy do T trộm cắp mà có đi tiêu thụ, hiện vẫn chưa xác minh được nhân thân lai lịch, đề nghị Cơ quan CSĐT Công an TP. Vũng Tàu tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: **Nguyễn Ngọc T** (tên gọi khác: **T hôn**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; **Nguyễn Văn Ph** (tên gọi khác: **Ph bê**) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Ngọc T: 15 (Mười lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn Ph: 09 (Chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2020;

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 590, 601 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường cho chị Thạch Thị Mỹ D số tiền 13.200.000 đ (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng); buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph bồi thường cho chị Thạch Thị Mỹ D số tiền 800.000 đ (Tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo T, Ph, mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo T phải nộp 660.000 đ (sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Ph phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Nga